

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 347/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 27 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-TTCP ngày 01/11/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ về hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra;

Căn cứ Thông tư số 16/2023/TT-BKHHCN ngày 08/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ;

Theo Tờ trình số 198/TTr-SKHHCN ngày 20/02/2024 và Đề án số 196/ĐA-SKHHCN ngày 20/02/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 815/TTr-SNV ngày 21/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1. Vị trí việc làm: 40 vị trí.

- Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: 08 vị trí.

- Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 15 vị trí.

- Vị trí việc làm nghiệp vụ công chức chuyên môn dùng chung: 14 vị trí.

- Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

(Có Phụ lục kèm theo)

2. Cơ cấu ngạch công chức gồm:

2.1. Tỷ lệ cơ cấu ngạch nhóm vị trí việc làm công chức lãnh đạo quản lý: không xác định cơ cấu ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2.2. Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý:

- Ngạch chuyên viên chính và tương đương: 07/19 người (chiếm 36,8%).

- Ngạch chuyên viên và tương đương: 12/19 người (chiếm 63,2%).

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế giao hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và lao động hợp đồng theo đúng quy định.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện các nội dung trong Đề án vị trí việc làm và các nội dung được phê duyệt trong Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH CAO BẰNG**

(Kèm theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ngạch tương ứng
I	Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý		
1	Giám đốc Sở	SKHCN-LĐQL.01	Chuyên viên chính trở lên
2	Phó Giám đốc Sở	SKHCN-LĐQL.02	
3	Chánh Văn phòng Sở	SKHCN-LĐQL.03	Chuyên viên trở lên
4	Chánh Thanh tra Sở	SKHCN-LĐQL.04	Thanh tra viên hoặc tương đương trở lên
5	Trưởng phòng thuộc Sở	SKHCN-LĐQL.05	Chuyên viên trở lên
6	Phó Chánh Văn phòng Sở	SKHCN-LĐQL.06	Chuyên viên trở lên
7	Phó Chánh thanh tra Sở	SKHCN-LĐQL.07	Thanh tra viên hoặc tương đương trở lên
8	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	SKHCN-LĐQL.08	Chuyên viên trở lên
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành KH&CN		
1	Chuyên viên chính về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	SKHCN-NVCN.01	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	SKHCN-NVCN.02	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ	SKHCN-NVCN.03	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về quản lý công nghệ và hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ	SKHCN-NVCN.04	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính Phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	SKHCN-NVCN.05	Chuyên viên chính

6	Chuyên viên về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	SKHCN-NVCN.06	Chuyên viên
7	Chuyên viên về sở hữu trí tuệ	SKHCN-NVCN.07	Chuyên viên
8	Chuyên viên về quản lý hoạt động năng lượng nguyên tử	SKHCN-NVCN.08	Chuyên viên
9	Chuyên viên về quản lý hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân	SKHCN-NVCN.09	Chuyên viên
10	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	SKHCN-NVCN.10	Chuyên viên
11	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đo lường	SKHCN-NVCN.11	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường	SKHCN-NVCN.12	Chuyên viên
13	Chuyên viên chính về quản lý hợp chuẩn, hợp quy	SKHCN-NVCN.13	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên về đánh giá hợp chuẩn, hợp quy	SKHCN-NVCN.14	Chuyên viên
15	Kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa	SKHCN-NVCN.15	Kiểm soát viên
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		
1	Chuyên viên chính tổng hợp (gồm: công tác tổ chức bộ máy, quản lý nguồn nhân lực, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng, phòng chống tham nhũng, thực hiện quy chế dân chủ,...và các công việc khác thuộc lĩnh vực hành chính - văn phòng)	SKHCN-CMDC.01	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về tổng hợp (gồm: công tác tổ chức bộ máy, quản lý nguồn nhân lực, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng, phòng chống tham nhũng, thực hiện quy chế dân chủ,...và các công việc khác thuộc lĩnh vực hành chính - văn phòng)	SKHCN-CMDC.02	Chuyên viên

3	Chuyên viên chính hành chính - văn phòng	SKHCN-CMDC.03	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	SKHCN-CMDC.04	Chuyên viên
5	Chuyên viên tài chính	SKHCN-CMDC.05	Chuyên viên
6	Chuyên viên quản lý công nghệ thông tin	SKHCN-CMDC.06	Chuyên viên
7	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	SKHCN-CMDC.07	Thanh tra viên chính
8	Thanh tra viên về công tác thanh tra	SKHCN-CMDC.08	Thanh tra viên
9	Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán	SKHCN-CMDC.09	Kế toán viên trở lên
10	Kế toán viên	SKHCN-CMDC.10	Kế toán viên
11	Văn thư viên	SKHCN-CMDC.11	Văn thư viên
12	Chuyên viên về lưu trữ	SKHCN-CMDC.12	Chuyên viên
13	Chuyên viên về công tác thanh tra	SKHCN-CMDC.13	Chuyên viên
14	Chuyên viên về pháp chế	SKHCN-CMDC.14	Chuyên viên
IV	Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ		
1	Nhân viên Phục vụ	SKHCN-HTPV-01	
2	Nhân viên Bảo vệ	SKHCN-HTPV-02	
3	Nhân viên lái xe	SKHCN-HTPV-03	